

► Thế Giới Dữ Liệu

Bạc tranh

DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

ANH TRUNG (Tổng hợp)

Phát triển của doanh nghiệp

Ngày 01/01/2000 Luật Doanh nghiệp được ban hành đã tạo bước đột phá trong đổi mới chủ trương của Nhà nước về hoạt động doanh nghiệp.

Tính đến 01/01/2009, các loại hình doanh nghiệp đều phát triển mạnh về số lượng, quy mô và chất lượng:

- Doanh nghiệp ngoài Nhà nước phát triển nhanh về số lượng, chiếm 97,5% số lượng doanh nghiệp trên tổng số toàn bộ doanh nghiệp, tạo nhiều việc làm mới, góp phần xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Tuy nhiên, hầu hết là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hiệu quả kinh doanh thấp. Năm 2008, lợi nhuận trước thuế chỉ là 16,6% so trong toàn bộ các doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) mặc dù tỉ lệ vốn thấp, chỉ chiếm 16,9% trong khu vực doanh nghiệp nhưng hiệu quả kinh doanh



cao, lợi nhuận trước thuế là 48,1% và đóng góp cho ngân sách Nhà nước chiếm 40,4% trong toàn bộ khu vực doanh nghiệp (số liệu năm 2008). So với năm 2000, lợi nhuận khu vực doanh nghiệp FDI tăng gấp 4,9 lần và đóng góp cho Nhà nước tăng gấp 5 lần.

- Số lượng doanh nghiệp Nhà nước thấp, chỉ chiếm 1,6% trong tổng số toàn bộ doanh nghiệp (01/01/2009) và chỉ bằng 45% số lượng doanh nghiệp năm 2000, nhưng quy mô vốn và đóng góp cho ngân sách Nhà nước của doanh nghiệp Nhà nước tương đương với khu vực ngoài Nhà nước. Số lượng lao động trong doanh nghiệp Nhà nước năm 2009 chiếm 20,7% trong toàn bộ lao động khu vực doanh nghiệp, trong khi năm 2000 tỉ lệ này là 60%.

Thống kê số liệu theo loại hình doanh nghiệp (Tính đến 01/01/2009)

Chỉ tiêu	Doanh nghiệp ngoài Nhà nước	Doanh nghiệp FDI	Doanh nghiệp Nhà nước
Số lượng doanh nghiệp đang hoạt động	196.779	5.625	3.328
Tỉ lệ số lượng doanh nghiệp trên tổng số toàn bộ doanh nghiệp (%)	97,5	2,7	1,6
Tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp bình quân mỗi năm, 2000 - 01/01/2009 (%)	24,1	23,5	Số lượng doanh nghiệp đã giảm, hiện chỉ bằng 45% số lượng doanh nghiệp năm 2000
Việc làm cho lao động thường xuyên (triệu người)	4,72	1,83	1,71
Số lượng việc làm cho lao động so với tổng việc làm do doanh nghiệp tạo ra (%)	57,1	22,2	20,7
Số lượng việc làm tăng bình quân mỗi năm, 2000 - 01/01/2009 (%)	8,7	20,7	"
Vốn so với tổng vốn doanh nghiệp, 2008 (%)	42,3	16,9	40,8
Doanh thu so với tổng doanh thu doanh nghiệp, 2008 (%)	57,5	19,5	23*
Tỉ lệ lợi nhuận trước thuế so trong khu vực doanh nghiệp năm 2008 (%)	16,6	48,1	35,3
Tỉ lệ đóng góp ngân sách so trong khu vực doanh nghiệp năm 2008 (%)	30,8	40,4	28,8

Tổng hợp từ nguồn: Tổng cục Thống kê/ Doanh nghiệp Việt Nam đầu thế kỷ 21

* Số liệu tính toán

Ghi chú: số liệu từ nguồn các doanh nghiệp thực tế đang hoạt động sản xuất kinh doanh có đến thời điểm 31/12 hàng năm trong 9 năm từ 2000 đến 2008. Doanh nghiệp ở đây được hiểu là một đơn vị kinh tế thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có đầy đủ tư cách pháp nhân, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, Luật Hợp tác xã, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư trực tiếp nước ngoài hoặc theo Hiệp định ký kết giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước ngoài.

Tốc độ phát triển các ngành trong 9 năm 2000-2008

Các ngành kinh tế đều có tốc độ phát triển nhanh qua 9 năm, tuy nhiên, các doanh nghiệp về nông, lâm nghiệp và thủy sản chưa thấy xuất hiện trong các bảng thống kê doanh nghiệp có tốc độ phát triển nhanh dù Việt Nam có tiềm năng rất lớn trong các lĩnh vực này.

Sắp tới, nếu chú trọng và xây dựng được các doanh nghiệp phát triển lớn mạnh trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản sẽ phát huy được thế mạnh của nước nhà, giải quyết lực lượng lao động nông thôn và giảm áp lực về tăng dân số cơ học hiện nay tại các thành phố lớn.



Những ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất về số lượng doanh nghiệp

Tên ngành	Tốc độ phát triển bình quân hàng năm (%)
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước	192,6
Bưu chính, viễn thông	170,1
Các hoạt động liên quan đến máy tính	151,0
Các hoạt động hỗ trợ cho hoạt động tài chính, tiền tệ	150,9
Sản xuất thiết bị văn phòng, máy tính	146,0
Tái chế	146,0
Cho thuê máy móc thiết bị (không người điều khiển)	142,9
Các hoạt động liên quan đến bất động sản	141,4

Nguồn: Tổng cục Thống kê/ Doanh nghiệp Việt Nam đầu thế kỷ 21

Những ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất về vốn kinh doanh

Tên ngành	Tốc độ phát triển bình quân hàng năm (%)
Các hoạt động hỗ trợ cho hoạt động tài chính, tiền tệ	206,7
Cho thuê máy móc thiết bị (không người điều khiển)	194,3
Tái chế	174,3
Các hoạt động liên quan đến máy tính	163,4
Khai thác quặng kim loại	146,8
Bảo hiểm, trợ cấp hưu trí	142,4
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế, các sản phẩm khác	141,1
Sản xuất kim loại	136,2
Các hoạt động liên quan đến bất động sản	136,0

Nguồn: Tổng cục Thống kê/ Doanh nghiệp Việt Nam đầu thế kỷ 21



► Thế Giới Dữ Liệu

Những ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất về số lao động

Tên ngành	Tốc độ phát triển bình quân hàng năm (%)
Các hoạt động hỗ trợ cho hoạt động tài chính, tiền tệ	174,0
Các hoạt động liên quan đến máy tính	144,4
Cho thuê máy móc thiết bị (không người điều khiển)	140,6
Sản xuất thiết bị văn phòng, máy tính	129,7
Tái chế	127,7
Các hoạt động liên quan đến kinh doanh tài sản, dịch vụ tư vấn	125,2
Các hoạt động kinh doanh khác	124,6

Nguồn: Tổng cục Thống kê/ Doanh nghiệp Việt Nam đầu thế kỷ 21

Những ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất về doanh thu

Tên ngành	Tốc độ phát triển bình quân hàng năm (%)
Các hoạt động hỗ trợ cho hoạt động tài chính, tiền tệ	229,1
Tái chế	155,5
Các hoạt động liên quan đến máy tính	154,6
Bảo hiểm, trợ cấp hưu trí (trừ bảo đảm xã hội bắt buộc)	147,6
Cho thuê máy móc thiết bị (không người điều khiển)	146,8
Sản xuất kim loại	140,0
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế, các sản phẩm khác	139,4
Tài chính, tín dụng	138,9

Nguồn: Tổng cục Thống kê/ Doanh nghiệp Việt Nam đầu thế kỷ 21

Ghi chú: mỗi doanh nghiệp chỉ được phân vào một ngành kinh tế duy nhất là ngành sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp, đó ngành mà doanh nghiệp hạch toán độc lập, chiếm tỉ trọng lớn nhất về giá trị sản xuất trong doanh nghiệp.

Căng thẳng khi lãnh đạo doanh nghiệp

Lãnh đạo các doanh nghiệp chịu không ít áp lực từ những việc phải giải quyết và những biến động của thương trường. Kết quả khảo sát của Công ty Nghiên cứu thị trường, kế toán và kiểm toán Grant Thornton từ 7.400 nhà lãnh đạo của các doanh nghiệp tư nhân thuộc 36 nền kinh tế thế giới cho thấy đa số doanh nhân rơi vào trạng thái stress. Tại Việt Nam, có đến 72% doanh nhân được phỏng vấn đã trả lời: mức độ stress của họ có dấu hiệu tăng dần qua các năm!. Tỷ lệ này chỉ thấp hơn Trung Quốc (76%), Mexico (74%) và cao hơn nhiều nước khác như Philippines (55%), Thái Lan (40%), Thụy Điển 23%)...



Tỉ lệ các nhà lãnh đạo doanh nghiệp tư nhân bị stress

Nền kinh tế	Tỉ lệ doanh nhân bị stress (%)	Nền kinh tế	Tỉ lệ doanh nhân bị stress (%)
Trung Quốc	76	Ý	58
Mexico	74	Ấn độ	56
Việt Nam	72	Philippines	55
Thổ Nhĩ Kỳ	72	Argentina	54
Hy Lạp	68	Pháp	51
Tây Ban Nha	65	Mỹ	50
Nhật	64	Anh	41
Malaysia	63	Thái Lan	40
Ireland	62	Đức	39
Đài Loan	60	HongKong	39
Chi Lê	59	Canada	36
Nga	59	Thụy Điển	23
...

Toàn cầu: 56%

Nguồn: Grant Thornton IBR 2010

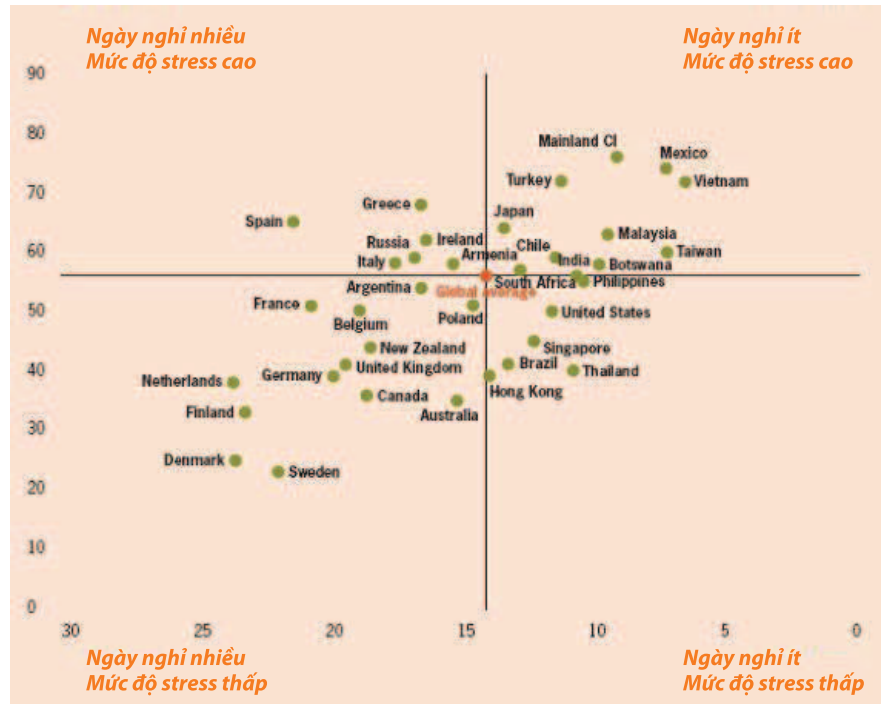
Cũng theo khảo sát của Grant Thornton, có mối liên hệ giữa mức độ căng thẳng và số ngày nghỉ trong năm của doanh nhân. Những người bị stress là những người có số ngày nghỉ mỗi năm thuộc loại trung bình

hoặc rất thấp. Tại Việt Nam, số ngày nghỉ trung bình của các doanh nhân rất ít, chỉ có 7 ngày/năm và nằm trong nhóm bị stress nhiều, trong khi Phần Lan, Đan Mạch, Thụy Điển... doanh nhân có hơn 20 ngày nghỉ trong năm

và ít bị stress. Tuy nhiên, vẫn có các nền kinh tế dù doanh nhân có nhiều ngày nghỉ nhưng vẫn bị stress như Tây Ban Nha, Nga, Hy Lạp...□



Tác động giữa trạng thái stress và số ngày nghỉ trong năm



Nguồn: Grant Thornton IBR 2010

Nhiệt Liệt Chào Mừng Kỳ Niệm 65 năm Quốc khánh 2/9 và 1.000 Năm Thăng Long



RHUNAFLU

viên nén bao phim

- Hạ Sốt, Giảm Đau, Ho.
- Viêm Mũi Dị Ứng: Hắt Hơi, Sổ Mũi, Viêm Kết Mạc Dị Ứng

Vicaldex

(Calci glucoheptonate + Vit C + Vit D + Vit PP)

Dung dịch uống

Bổ sung Calci & Vitamin trong các trường hợp:

TRẺ EM TRONG GIAI ĐOẠN TĂNG TRƯỞNG.

PHỤ NỮ MANG THAI và CHO CON BÚ.

SUY NHƯỢC CƠ THỂ, CÒI XƯƠNG, LOÃNG XƯƠNG



Số giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo thuốc của Cục Quản Lý Dược - Bộ Y Tế 0273 - 0280/ QLD-TT, ngày 20 tháng 07 năm 2010



NADYPHAR
WHO . GMP

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 NADYPHAR

Liên hệ: 299/22 (Đường 299) Lý Thường Kiệt, P.15, Quận 11, TP. HCM

ĐT: (08) 38687354 - 38687355 - 38687347 - 38388474 FAX: (84-8) 38687356 - 38687351

Email: nadyphar@nadyphar.com.vn Website: www.nadyphar.com.vn